TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 13/01/2026
Về: "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Nhàn, bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang: Bà Lê Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 422/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1985, căn cước công dân: 089185012770; địa chỉ cư trú: Số nhà E, tổ B, ấp L, xã L, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: Ấp L, xã N, tỉnh An Giang (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984, căn cước công dân: 089084019662; địa chỉ cư trú: Số nhà E, tổ B, ấp L, xã L, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/8/2025 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông Đ được hình thành là do tự tìm hiểu, gia đình hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2009, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46 ngày 07/5/2010. Cuộc sống chung hạnh phúc đến 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, bởi ông Đ không phụ giúp bà làm ăn, nuôi con mà chỉ lo ăn chơi, cờ bạc, bà khuyên ngăn nhưng ông Đ không nghe, nên thường xuyên gây cải dẫn đến ly thân nhau từ tháng 5/2024 đến nay. Trong thời gian ly thân gia

đình hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông Đ.

Về quan hệ con chung: Bà với ông Đ có 01 con chung tên Nguyễn Quốc V, sinh ngày 01/6/2010, trước đây do bà nuôi, nhưng nay để thuận tiện đi học nên về chung sống với ông Đ. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con chung cho ông Đ tiếp tục nuôi, bà xin không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông Đ không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông Đ không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông Nguyễn Văn Đ để tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, bà K bảo lưu ý kiến của mình.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà K – ông Đ chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, theo đó bà K cho rằng do bất đồng quan điểm, ông Đ không quan tâm gia đình mà lo cờ bạc, bà khuyên ngăn nhưng ông Đ không từ bỏ nên thường xuyên gây cãi và ly thân nhau, nên bà K xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung Nguyễn Quốc V trên 07 tuổi với ý nguyện tiếp tục chung sống với cha, đề nghị HĐXX giao cháu V cho ông Đ tiếp tục nuôi; về tài sản chung, nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Ông Đ được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt ông Đ theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền:* Bà K khởi kiện ly hôn với ông Đ là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Đ có địa chỉ cư trú tại xã L, tỉnh An Giang, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 11 – An Giang thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà K – ông Đ kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2009, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46 ngày 07/5/2010, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà K bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện việc bà K – ông Đ bất đồng quan điểm, bởi ông Đ không phụ giúp bà làm ăn, nuôi con mà chỉ lo ăn chơi, cờ bạc, bà khuyên ngăn nhưng ông Đ không nghe, nên thường xuyên gây cải dẫn đến ly thân nhau từ tháng 5/2024 đến nay. Trong thời gian ly thân gia đình hàn gắn nhưng không thành.

Qua trình bày của bà K, mặc dù ông Đ đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng về nguyên nhân mâu thuẫn vẫn đến yêu cầu xin ly hôn của bà K, nhưng ông Đ không có ý kiến phản đối, chứng tỏ trình bày của bà K là có căn cứ, xét khã năng đoàn tụ lại giữa bà K – ông Đ là không thể, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà K.

[4]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy cháu Nguyễn Quốc V hiện chung sống với ông Đ và cháu dang đi học, cháu trên 7 tuổi với ý nguyện tiếp tục sống với ông Đ. Tình cảm giữa cháu V với ông Đ đã thật sự gắn bó. Để không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu V cũng như tạo điều kiện cho cháu V triển tốt về sau, HĐXX chấp nhận giao cháu V cho ông Đ tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

Thông qua bản án HĐXX cũng giải thích cho ông Đ biết: Trong thời gian nuôi con, ông Đ cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng ông Đ không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Bà K khai bà với ông Đ không có tài sản chung và không có nợ chung. Tuy nhiên do ông Đ vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cập ở phần quyết định. Nếu sau này ông Đ có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung, có nợ chung và ông Đ có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6]. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị K.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn Đ được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Quốc V, sinh ngày 01/6/2010. Bà K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đ cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0007066 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang *(bà K nộp đủ)*.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/01/2026), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS khu vực 11;
- P.THADS khu vực 11 để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- vp.

Lê Văn Huệ